

Bản án số: 320/2024/DS-PT

Ngày: 21/6/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương
Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 90/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1530/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quốc V, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 383 ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 362, tổ 18, ấp T, xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: Số 420B khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1954;

3.2. Bà Thạch Thị M, sinh năm 1953;

3.3. Bà Võ Thị H, sinh năm 1986; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3.4. Ông Đặng Chí T, sinh năm 1974; (có mặt)

3.5. Bà Huỳnh Thị Kim P, sinh năm 1977; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 420B khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

3.6. Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Số F3/23 B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Huỳnh Văn H và bà Thạch Thị M ủy quyền cho ông Đặng Chí T tham gia tố tụng).

* **Người kháng cáo:** Ông Lê Quốc V là nguyên đơn; ông Huỳnh Văn T là bị đơn; ông Huỳnh Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Quốc V, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Ngọc T trình bày:

Vào ngày 17/3/2022, ông T có vay của ông V số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay thỏa T miệng 06 tháng. Để đảm bảo cho hợp đồng vay, ông T cùng gia đình đã dùng hai thửa đất số 42, tờ 19 và thửa đất số 137 (nay là thửa 220), tờ 19 chuyển nhượng cho ông V đứng tên. Hiện ông V đang đứng tên hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DD-297127 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/04/2022 đối với thửa đất số 42, tờ 19, diện tích 171m² trên đất có căn nhà gia đình ông T đang ở.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DD-297126 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/04/2022 đối với thửa đất số 220, tờ 19, diện tích 870,2m², phần đất này do gia đình ông T đang quản lý.

Ông T đóng lãi được 03 tháng số tiền 96.000.000 đồng.

Do cần tiền làm ăn, ngày 27/6/2022, ông T tiếp tục vay thêm 500.000.000 đồng. Hai bên thống nhất gộp hai khoản vay với tổng số tiền là 2.500.000.000 đồng và lập Hợp đồng vay ngày 27/6/2022, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng được công chứng ngày 27/6/2022. Hai bên vẫn thỏa T tài sản đảm bảo là hai thửa đất và tài sản trên đất.

Từ khi vay tiếp số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 27/6/2022 ông T không trả lãi cũng không trả gốc cho ông V. Do vậy, nay ông V khởi kiện yêu cầu Toà án thành phố T xem xét giải quyết:

- Buộc ông Huỳnh Văn T trả số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng và tiền lãi đối với khoản vay trên từ ngày 27/06/2022 đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 1,6%/tháng với số tiền là 800.000.000 đồng.

Như vậy tổng số gốc và lãi ông V yêu cầu là 3.300.000.000 đồng. Do ông H, bà M, bà Kim A cùng ký hợp đồng chuyển nhượng để đảm bảo cho hợp đồng vay nên ông V yêu cầu ông H, bà M, bà Kim A chịu trách nhiệm liên đới với ông T trả số tiền trên cho ông V.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Ông có vay của ông V số tiền 2.500.000.000 đồng trong 02 lần, cụ thể:

- Ngày 17/3/2022 ông có hỏi vay ông V 2.000.000.000 đồng, vay không thời hạn, lãi suất 4%/tháng, không có hợp đồng vay. Sau khi trừ phí ông phải trả cho môi giới 80.000.000 đồng, tiền lãi tháng đầu 80.000.000 đồng, ông V giao cho ông 1.840.000.000 đồng (tiền mặt 1.500.000.000 đồng, chuyển khoản 340.000.000 đồng). Sau đó, ông tiếp tục trả thêm 03 tháng lãi cho ông V số tiền 240.000.000 đồng, chưa trả vốn.

- Tháng 6/2022, ông vay tiếp số tiền 500.000.000 đồng, vay không thời hạn, lãi suất 4%/tháng. Ông V và ông thỏa thuận gộp chung số tiền 2.000.000.000 đồng để ký hợp đồng vay tài sản ngày 27/6/2022 thành số tiền vay 2.500.000.000 đồng. Thời hạn vay trong hợp đồng là 06 tháng. Sau khi trừ trước số tiền lãi là 50.000.000 đồng, ông V giao cho ông 450.000.000 đồng. Sau đó, ông có đóng lãi cho ông V thêm khoảng 02 tháng số tiền lãi tổng cộng 200.000.000 đồng.

Ông V có yêu cầu ông dùng tài sản để đảm bảo 02 khoản vay trên. Ông có về nói với cha mẹ ông và bà Kim A ủy quyền cho ông được quyền quyết định đối với hai thửa đất số 42, tờ 19 và thửa đất số 137, tờ 19 để ông làm ăn, nhưng ông không có nói ủy quyền cho ông để vay tiền hay thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi nhận ủy quyền, ngày 17/3/2022 ông ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lê Quốc V đối với 02 thửa đất nêu trên.

Ông đồng ý trả cho ông V tiền vốn 2.500.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông yêu cầu khấu trừ số tiền lãi ông đã đóng cho ông V. Ông đóng lãi cho ông V theo hình thức đưa tiền mặt, do tin tưởng nên không có làm biên nhận

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H và bà Thạch Thị M là ông Đặng Chí T trình bày:*

Ngày 16/3/2022, ông Huỳnh Văn H và bà Thạch Thị M có ký Giấy ủy quyền cho ông Huỳnh Văn T để ông T thực hiện việc lo thủ tục tách thửa cho bà Huỳnh

Thị Kim A và bà Huỳnh Thị Kim P, ông H và bà M không có ủy quyền để chuyển nhượng đất hay bảo đảm khoản vay như nguyên đơn trình bày. Ông H, bà M yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A với ông Lê Quốc V đối với thửa đất số 137 (nay là thửa 220), tờ bản đồ số 19, diện tích 869,9m² và thửa 42, tờ bản đồ số 19, diện tích 171,6m² tại phường B, thành phố T vô hiệu. Kiến nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn H. Do không biết việc vay tiền của ông T với ông V nên ông H và bà M không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với ông T.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim A trình bày:*

Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 42, 137, tờ 19 cấp cho hộ ông Huỳnh Văn H và bà là thành viên trong hộ nên ngày 16/3/2022, bà có ký Giấy ủy quyền cho ông Huỳnh Văn T để ông T thực hiện việc lo thủ tục tách thửa cho bà và bà Huỳnh Thị Kim P, bà không có ủy quyền để chuyển nhượng đất hay bảo đảm khoản vay như nguyên đơn trình bày. Do đó, bà yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A với ông Lê Quốc V đối với thửa đất số 137 (nay là thửa 220), tờ bản đồ số 19, diện tích 869,9m² và thửa 42, tờ bản đồ số 19, diện tích 171,6m² tại phường B, thành phố T vô hiệu. Kiến nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn H và bà Thạch Thị M. Do không biết việc vay tiền của ông T với ông V nên bà không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với ông T.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim P trình bày:*

Bà có căn nhà trên phần đất thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 19 do được cha mẹ cho đất nhưng chưa tách thửa. Bà không đồng ý việc ông T chuyển nhượng thửa đất trên cho ông V không thông qua ý kiến của bà. Bà yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A với ông Lê Quốc V đối với thửa đất số 137 (nay là thửa 220), tờ bản đồ số 19, diện tích 869,9m² và thửa 42 tờ bản đồ số 19, diện tích 171,6m² tại phường B, thành phố T vô hiệu. Kiến nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn H và bà Thạch Thị M.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Chí T trình bày:*

Do căn nhà trên phần đất thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 19 là tài sản chung của vợ chồng ông được cha mẹ vợ cho đất nhưng chưa tách thửa nên ông không đồng ý việc ông T chuyển nhượng thửa đất trên cho ông V. Yêu cầu tuyên Hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A với ông Lê Quốc V đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 19, diện tích 869,9m² và thửa 42, tờ bản đồ số 19, diện tích 171,6m² tại phường B, thành phố T vô hiệu. Kiến nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn H và bà Thạch Thị M.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trình bày:*

Bà là vợ ông Huỳnh Văn T, bà không biết gì về việc vay tiền của ông T. Trên phần đất ông T chuyển nhượng cho ông V có căn nhà của vợ chồng bà. Bà không có ý kiến gì trong vụ án.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân thành phố T đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc V:

- Buộc ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho ông Lê Quốc V số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi 160.000.000 đồng.

- Buộc ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Quốc V số tiền 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 640.000.000 đồng.

Kể từ ngày 28/02/2024, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc V về việc yêu cầu bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với ông Huỳnh Văn T.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A, ông Đặng Chí T, bà Huỳnh Thị Kim P, tuyên: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/3/2022 giữa ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A (do ông Huỳnh Văn T đại diện ủy quyền) với ông Lê Quốc V đối với phần đất thuộc thửa 137, 42, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường B, thành phố T, tỉnh Bến Tre vô hiệu do giả tạo.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 137 (nay là thửa 220) và thửa 42, cùng thuộc tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường B, thành phố T từ chủ sử dụng ông Lê Quốc V sang chủ sử dụng hộ ông Huỳnh Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/3/2024, nguyên đơn ông Lê Quốc V có đơn kháng cáo; ngày 11/3/2024, bị đơn ông Huỳnh Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre, yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:*

Nguyên đơn ông V thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ yêu cầu ông H, bà M, bà Huyền liên đới với ông T trả cho ông V số tiền 2.000.000.000 đồng, đối với số tiền 500.000.000 đồng thì chỉ buộc bà Huyền cùng ông T trả số tiền này cho ông V, đồng thời tính lãi theo quy định pháp luật; xin rút yêu cầu kháng cáo về việc buộc trách nhiệm liên đới đối với bà A và bà Phượng.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử tính lại số tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H và bà Thạch Thị M là ông Đặng Chí T trình bày:*

Ông H kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tính lại số tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm và xem xét cho ông H được miễn án phí vì ông là người cao tuổi. Dấu vân tay trên Giấy giao nhận tiền ngày 17/3/2022 đúng là của bà M nhưng bà M không biết gì về nội dung giấy giao nhận tiền này.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Quốc V, ông Huỳnh Văn H, không chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc V, buộc ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M cùng liên đới trả cho ông Lê Quốc V số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất 1,6%/tháng; buộc ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho ông Lê Quốc V số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 1,6%/tháng; ông H được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quốc V, bị đơn ông Huỳnh Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 10/3/2022 ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Võ Thị H có lập Hợp đồng ủy quyền cho ông Huỳnh Văn T, theo đó ông T được ủy quyền “... cho thuê, thế chấp, nhận đặt cọc, chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn... nhận các khoản tiền phát sinh từ việc ủy quyền nêu trên...” đối với các thửa đất 137 và 42, cùng tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường B, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Ngày 17/3/2022, trên cơ sở Hợp đồng ủy quyền này, ông T ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông V với giá chuyển nhượng là 150.000.000 đồng nhưng thực tế theo Giấy giao nhận tiền cùng ngày 17/3/2022 thì giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng. Ngày 13/4/2022, ông V được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 137 (nay là thửa 220) và thửa 42, cùng tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường B, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Ngày 27/6/2022, ông V với ông T lập Hợp đồng vay tài sản với số tiền mà ông V cho ông T vay là 2.500.000.000 đồng. Như vậy, căn cứ Hợp đồng vay tài sản ngày 27/6/2022 và lời thừa nhận của nguyên đơn có cơ sở xác định các bên thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất là để che giấu hợp đồng vay tài sản giữa ông V và ông T nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/3/2022 giữa ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A (do ông Huỳnh Văn T đại diện ủy quyền) với ông Lê Quốc V đối với phần đất thuộc thửa 137, 42, cùng tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường B, thành phố T, tỉnh Bến Tre vô hiệu là đúng quy định pháp luật.

[2] Ông V kháng cáo yêu cầu những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Võ Thị H, bà Huỳnh Thị Kim P cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông T trả số tiền vay 2.500.000.000 đồng với mức lãi suất 1,6%/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới đối với bà A và bà Phụng; chỉ yêu cầu ông H, bà M, bà Huyền liên đới với ông T trả cho ông V số tiền 2.000.000.000 đồng, đối với số tiền 500.000.000 đồng thì chỉ buộc bà Huyền liên đới cùng ông T trả số tiền này cho ông V. Xét thấy, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà M cũng thừa nhận dấu vân tay trên Giấy giao nhận tiền ngày 17/3/2022 đối với số tiền 2.000.000.000 đồng là của bà M nhưng bà M không biết gì về nội dung giấy giao nhận tiền này, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của bà M không có chứng cứ gì chứng minh nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bà M có trách nhiệm liên đới trả số tiền 2.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền 500.000.000 đồng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Huyền cùng liên đới với ông T trả số tiền này cho ông V, tuy nhiên theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bỏ

sung của ông V cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn chỉ yêu cầu ông H, bà M, bà A cùng liên đới trả nợ cho ông V nên nội dung kháng cáo buộc bà H liên đới và việc rút yêu cầu kháng cáo buộc trách nhiệm liên đới đối với bà P là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với yêu cầu rút kháng cáo buộc trách nhiệm liên đới đối với bà A, đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông T, ông H về việc yêu cầu tính mức lãi suất là 10%/năm và xem xét cho ông H được miễn án phí vì ông H là người cao tuổi. Xét thấy, Hợp đồng vay tài sản ngày 27/6/2022 thể hiện ông V và ông T có thỏa T mức lãi suất 1,6%/tháng, mức lãi suất này là phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trong khi đó ông T, ông H không có chứng cứ chứng minh đã trả tiền lãi cho ông V với mức lãi 4%/tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu mức lãi suất này của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Ông H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H có trách nhiệm liên đới với ông T chịu án phí có giá ngạch là không đúng quy định. Ông V, ông H kháng cáo có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 289, khoản 5 Điều 308; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với phần yêu cầu kháng cáo đã rút của ông Lê Quốc V về việc buộc bà Huỳnh Thị Kim A có trách nhiệm liên đới trả nợ; chấp nhận một phần kháng cáo của ông V, ông H; không chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông V, ông H không phải chịu án phí phúc thẩm. Kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 5 Điều 308; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với phần yêu cầu kháng cáo đã rút của ông Lê Quốc V về việc buộc bà Huỳnh Thị Kim A có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Lê Quốc V.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quốc V.
- Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H.
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn T.
- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ:

- Điều 117, Điều 124, Điều 131, Điều 407, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật Dân sự 2015.
- Khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc V:

- Buộc ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho ông Lê Quốc V số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).
- Buộc ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Quốc V số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và tiền lãi 640.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày 28/02/2024, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A, ông Đặng Chí T, bà Huỳnh Thị Kim P, tuyên: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/3/2022 giữa ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M, bà Huỳnh Thị Kim A (do ông Huỳnh Văn T đại diện ủy quyền) với ông Lê Quốc V đối với phần đất thuộc thửa 137, 42, cùng tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường B, thành phố T, tỉnh Bến Tre vô hiệu do giả tạo.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 137 (nay là thửa 220) và thửa 42, cùng thuộc tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường B, thành phố T từ chủ sử dụng ông Lê Quốc V sang chủ sử dụng hộ ông Huỳnh Văn H.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn H, bà Thạch Thị M thuộc trường hợp người cao tuổi nên

được miễn án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Huỳnh Văn T phải chịu là 115.200.000đ (Một trăm mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Lê Quốc V phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002825 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Lê Quốc V số tiền tạm ứng án phí 52.900.000đ (Năm mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Thạch Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007212 ngày 30/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Huỳnh Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007211 ngày 30/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007209 ngày 30/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Đặng Chí T và bà Huỳnh Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007210 ngày 30/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả cho ông Lê Quốc V số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004258 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre.

- Ông Huỳnh Văn T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004338 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND thành phố T (1b);
- Chi cục THADS thành phố T (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (6b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt